TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 1628/2019/HNGĐ-ST Ngày: 29/11/2019 V/v tranh chấp ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/3/2019 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 281/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc N, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tài Đ, sinh năm 1968; Địa chỉ: C7-C8 ấp M, xã X, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tài Đ chung sống từ năm 1998, được UBND xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01 ngày 13/10/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì xảy ra mâu thuẫn, bà và gia đình chồng tạo nhiều cơ hội nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau từ năm 2011. Bà không còn tình cảm với ông Đ nên cương quyết xin ly hôn. Bà đồng ý giao con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 10/6/2003 cho ông Đ nuôi dưỡng vì trẻ Đ ở với bà nội từ nhỏ, bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, con chung là Nguyễn Kiều T, sinh ngày 30/6/1999 đã đủ 18 tuổi. Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn: ông Nguyễn Tài Đ được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do.

T*ại phiên tòa:*

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thủ tục cấp tống đạt văn bản cho đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; người tham gia tố tụng đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: đời sống hôn nhân của hai vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận; con chung Nguyễn Thành Đ từ nhỏ đến nay sinh sống cùng bà nội nên giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định tinh thần, học hành là phù hợp; ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng của nguyên đơn; không có tài sản chung và nợ chung; bị vắng mặt nên không lấy được lời khai. Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn thường trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Tài Đ đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 281/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019, kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc N có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 13/10/2003, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ là hợp pháp, quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về yêu cầu ly hôn:

Theo bà N thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2004 và ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau từ năm 2011, bà không còn tình

cảm với ông Đ nên cương quyết xin được ly hôn. Lời trình bày của bà N phù hợp với nội dung trình bày của 02 con chung tại các văn bản trình bày nộp cho Tòa án, nội dung biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2019.

Bị đơn là ông Nguyễn Tài Đ đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi là bỏ mặc mâu thuẫn, không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không có giải pháp đoàn tụ vợ chồng.

Tuy địa phương không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông Đ theo nội dung biên bản xác minh ngày 11/10/2019, nhưng có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông Đ là có thật, đã kéo dài, vợ chồng sống ly thân và bỏ mặc nhau từ năm 2011 đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng: Căn cứ nội dung trình bày của nguyên đơn, Giấy khai sinh số 22/2002, quyển số 01/1999 ngày 05/6/2000 và số 51/2003, quyển số 01/2003 ngày 01/12/2003 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, xác định bà N và ông Đ có 02 con chung là Nguyễn Kiều T, sinh ngày 30/6/1999 (đã đủ 18 tuổi) và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 10/6/2003. Bà N đồng ý giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2019, phù hợp với quy định tại Điều 81của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận việc bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N trình bày không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Ngọc N và ông Nguyễn Tài Đ.

2. Về con chung và nuôi con chung:

+ Giao cho ông Nguyễn Tài Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2003;

+ Bà Phạm Thị Ngọc N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thi hành kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Kể từ ngày ông Nguyễn Tài Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Ngọc N chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

+ Con chung là Nguyễn Kiều T, sinh ngày 30/6/1999 đã đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Ngọc N trình bày không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí dân sự (cấp dưỡng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003748 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Phạm Thị Ngọc N còn phải nộp số tiền 300.000 đồng, thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Huy

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.